TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/DS - ST
Ngày: 06 - 11 - 2024
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.
2. Ông Trần Anh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2024/TLST - DS, ngày 05 tháng 8 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2024/QĐXXST – DS, ngày 02 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2024/QĐST – DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị -Mỹ H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ H là ông Sơn Thái V, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày:

Ông có cho bà Nguyễn Thị Mỹ H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 27/10/2020 bà H có vay của ông số tiền 200.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 50.000đồng/1 triệu đồng/tháng, có ghi biên nhận (hợp đồng mượn tiền) nhưng bà H ghi nhầm là ngày 27/11/2020, mục đích vay là đáo hạn ngân hàng, tiền lãi thì mỗi tráng trả một lần.

Lần 2: Ngày 05/11/2020 bà H có vay của ông số tiền 500.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.000đồng/1 triệu đồng/ngày, có ghi biên nhận (hợp đồng mượn tiền), mục đích vay là đáo hạn ngân hàng, tiền lãi thì mỗi tráng trả một lần.

Lần 3: Cùng ngày 05/11/2020 bà H có vay của ông số tiền 3.000.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.000đồng/1 triệu đồng/ngày, có ghi biên nhận (hợp đồng mượn tiền), mục đích vay là đáo hạn ngân hàng, tiền lãi thì mỗi tráng trả một lần.

Nhưng sau khi nhận tiền các lần vay thì bà H không trả lãi kịp thời và đầy đủ cho ông như đã hứa; tổng số tiền mà bà H vay của ông là 3.700.000.000đồng. Ngoài ra ngày 10/6/2020 được bà H giới thiệu nên ông có nhờ bà H chơi dùm 10 phần hụi tháng loại 10.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui một lần; do tin tưởng nên mỗi tháng ông có đưa bà H tiền để đóng hụi, còn chủ hụi là ai thì ông không rõ vì mọi giao dịch đều thông qua bà H. Tính từ ngày 10/6/2020 đến ngày 10/9/2020 thì ông đã đưa cho bà H là 344.000.000đồng, đến ngày 10/10/2020 thì bà H nói với ông là chủ hụi đã bị bể hụi không còn khui nữa nên bà H có viết cho ông giấy nhận nợ với số tiền 344.000.000đồng và hứa trả bằng hai lần nhưng bà H không thực hiện như cam kết. Ngoài các khoản nợ trên thì giữa ông và bà H có thống nhất tiền nợ lãi của các khoản vay với số tiền là 440.000.000đồng, có biên nhận do bà H ghi.

Nay ông yêu cầu bà H phải trả cho ông các khoản nợ gồm tiền vay, tiền hụi, tiền lãi là 4.484.000.000đồng (Bốn tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng). Đối với yêu cầu tính lãi theo đơn khởi kiện thì ông rút lại, không yêu cầu giải quyết.

Theo ông Sơn Thái V là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Bà H thừa nhận có nợ ông S gồm tiền vay là 3.700.000.000đồng; tiền hụi là 344.000.000đồng; tiền lãi là 440.000.000đồng như các biên nhận mà bà H đã ghi và ký tên xác nhận. Bà H đồng ý trả cho ông S số tiền là 4.484.000.000đồng (Bốn tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng), nhưng bà H yêu cầu Tòa án khấu trừ vào các khoảng mà ông S còn nợ bà H gồm tiền mua bán đất là 350.000.000đồng mà ông S đã lấy của bà Thu B, tiền đồ gỗ mà ông S đã lấy của bà H là 70.000.000đồng; tổng cộng là 420.000.000đồng.

Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như có tiến hành thu thập chứng cứ, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, cũng như gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

** Về nội dung vụ án:* Vị đề nghị căn cứ vào quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Bộ Luật Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền là 4.484.000.000đồng (Bốn tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của ông S do ông S rút yêu cầu.

3. Đối với yêu cầu khấu trừ số tiền 420.000.000đồng của bà H, dành cho bà H một vụ kiện khác khi có tranh chấp với ông S.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa có mặt ông Phạm Văn S là nguyên đơn và ông Sơn Thái V là đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Đương sự có mặt vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt nhưng có ủy quyền cho ông Sơn Thái V. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung vụ án:** Việc tranh chấp tiền nợ giữa ông S với bà H là có thật được thể hiện tại các chứng cứ như hợp đồng mượn tiền ngày 05/11/2020 ghi

số tiền mượn là 3.000.000.000đồng, hợp đồng mượn tiền ngày 05/11/2020 ghi số tiền mượn là 500.000.000đồng; hợp đồng mượn tiền ngày 27/11/2020 ghi số tiền mượn là 200.000.000đồng; tờ tính tiền hụi bắt đầu từ tháng 6/2020 số tiền là 344.000.000đồng và tờ tính tiền lời ghi số tiền 446.750.000đồng nhưng trả còn 440.000.000đồng, các chứng cứ này được bà H ghi, ký tên xác nhận và được ông S cung cấp khi khởi kiện; căn cứ các lời khai của bà H tại cơ quan điều tra, cũng như lời khai của đại diện bà H tại phiên tòa hôm nay thì bà H đều thừa nhận hợp đồng mượn tiền ngày 05/11/2020, hợp đồng mượn tiền ngày 05/11/2020; hợp đồng mượn tiền ngày 27/11/2020 là do bà ghi và ký tên xác nhận và thống nhất số tiền vay là 3.700.000.000đồng (*cụ thể tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2022 từ bút lục số 33 đến 35 và ngày 23/8/2023 từ bút lục số 52 đến 55*); tờ tính tiền hụi ghi số tiền nợ là 344.000.000đồng và tờ tính tiền lời ghi số tiền 446.750.000đồng nhưng trả còn 440.000.000đồng (*cụ thể tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2022 từ bút lục số 46 đến 47)* bà H thừa nhận do bà viết và ký tên xác nhận. Căn cứ Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự tình tiết các bên đương sự thừa nhận là tình tiết không cần phải chứng minh.

Căn cứ vào các giấy nhận nợ trên thì ông S cho rằng bà H có nợ của ông số tiền là 4.484.000.000đồng đến nay chưa trả; nay ông S yêu cầu bà H trả số tiền này. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H cũng thừa nhận nợ và đồng ý trả theo yêu cầu của ông S; tuy nhiên đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu khấu trừ số tiền mà ông S còn nợ bà H là 420.000.000đồng (gồm tiền mua bán đất và tiền đồ gỗ) vào số tiền 4.484.000.000đồng mà bà H còn nợ ông S. Xét thấy việc yêu cầu khấu trừ tiền nợ này là không được Hội đồng xét xử chấp nhận; bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật nhưng do bà H không có yêu cầu khởi kiện phản tố, nên dành cho bà H một vụ kiện khác khi có tranh chấp với ông S về số tiền này.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S. Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền 4.484.000.000đồng. Đối với yêu cầu tính lãi, tại phiên tòa hôm nay do ông S rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của ông S.

[3] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật; ông S không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn S số tiền 4.484.000.000đồng (*Bốn tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S đối với yêu cầu tính lãi.

3. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ H dành cho bà một vụ kiện khác khi có tranh chấp với ông Phạm Văn S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn S không phải chịu án phí sơ thẩm. Đối với số tiền 56.600.000đồng (*Năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0019684, ngày 22 tháng 11 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được hoàn trả ông S.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ nộp số tiền 112.484.000đồng (*Một trăm mười hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) án phí sơ thẩm.

“ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh